

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày: 08-5-2019

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Phương;

Ông Dương Thành Công;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Duy Tôn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1995 nơi cư trú: xã I, huyện Đ, tỉnh G; địa chỉ liên lạc: 47, đường N, Phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05-11-2018), có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trí D, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày: Anh Nguyễn Bá T và anh Nguyễn Trí D có mối quan hệ quen biết. Ngày 13 tháng 9 năm 2017, anh T cho anh D vay số tiền 13.000.000 đồng, khi cho vay có lập văn bản ghi

nhận, văn bản này do anh T viết, anh D nhận tiền, kí và ghi rõ họ tên vào giấy viết tay có tiêu đề “Giấy mượn tiền”). Khi cho vay thỏa thuận thời hạn trả là 02 tháng kể từ ngày vay, không thỏa thuận tiền lãi. Hết thời hạn vay, anh T đã nhiều lần yêu cầu anh D trả tiền nhưng anh D hứa hẹn nhiều lần mà không trả cho anh T.

Do đó, anh T khởi kiện yêu cầu anh D trả cho anh T số tiền 13.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Trí D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Anh D đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của anh T và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiếu yêu cầu xác minh đề ngày 04 tháng 01 năm 2019, Công an xã T cung cấp như sau: đương sự Nguyễn Trí D, sinh năm 1982 có đăng kí hộ khẩu thường trú tại ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Hiện tại vẫn đang sinh sống và làm ăn tại ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Đỗ Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: bị đơn anh Nguyễn Trí D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: anh Nguyễn Bá T khởi kiện anh Nguyễn Trí D, yêu cầu anh D thanh toán nợ cho anh T, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

- Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh Nguyễn Trí D có nơi cư trú tại ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, anh Nguyễn Bá T cho anh Nguyễn Trí D vay số tiền 13.000.000 đồng, khi vay có lập văn bản ghi nhận (giấy viết tay có tiêu đề “giấy mượn tiền”). Các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 02 tháng kể từ ngày 13-9-2017, không thỏa thuận tiền lãi. Quá trình tố tụng, anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có căn cứ xác định những tình tiết, sự kiện này nguyên đơn đưa ra, bị đơn không phản đối nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Có cơ sở xác định hợp đồng vay tiền giữa anh Nguyễn Bá T và anh Nguyễn Trí D là có thật, do hai bên tự nguyện thỏa thuận giao kết với nhau. Khi vay hai bên xác lập giao dịch bằng văn bản. Khi giao kết hợp đồng, hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và có ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên. Do đó, anh T yêu cầu anh D trả số tiền nợ gốc là 13.000.000 đồng là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Anh T không yêu cầu anh D trả tiền lãi trên số tiền chậm trả nên Hội xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí: bị đơn anh Nguyễn Trí D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Bá T đối với bị đơn anh Nguyễn Trí D về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Nguyễn Trí D phải trả cho anh Nguyễn Bá T số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Trí D phải nộp 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Anh Nguyễn Bá T không phải chịu án phí. Hoàn lại cho anh T số tiền 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0020775 ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Ánh Tuyết